

Số: 5377/BTC-CST

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2021

V/v xin ý kiến về dự thảo  
Thông tư quy định mức thu một số  
khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ tháo  
gỡ khó khăn cho SXKD ứng phó  
với dịch Covid-19

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Tại điểm 1 Mục III Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: *d) Nghiên cứu xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và thực hiện những chính sách cụ thể để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19 phù hợp với diễn biến xảy ra trong năm.*

Thực hiện Nghị quyết số 124/2020/QH14 của Quốc hội, Nghị quyết số 129/NQ-CP của Chính phủ<sup>1</sup>, trên cơ sở đề xuất của các Bộ, ngành, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29/12/2020 quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19 (*Thông tư có hiệu lực thi hành đến hết ngày 30/6/2021*).

Hiện nay, dịch Covid-19 còn tiếp tục diễn biến phức tạp trên thế giới, trong khu vực và tại Việt Nam (*hiện nay, một số địa phương đang thực hiện giãn cách xã hội*) làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, ảnh hưởng tới hầu hết các ngành kinh tế. Dự báo kinh tế thế giới trong năm 2021 tiếp tục chịu tác động nghiêm trọng của Covid-19. Nhiều ngành, lĩnh vực trong nước gặp khó khăn; hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bị đình trệ (*nhất là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực du lịch, hàng không, vận tải...*), cần tiếp tục có

<sup>1</sup> - Tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 124/2020/QH14 ngày 11/11/2020 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, Quốc hội giao Chính phủ và các cơ quan liên quan: *Chủ động bố trí nguồn lực và thực hiện các giải pháp phù hợp, kịp thời theo thẩm quyền (bao gồm cả các giải pháp về tín dụng, tài chính - ngân sách nhà nước, thuế, phí, lệ phí...) để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19, nhất là trong một số ngành công nghiệp, dịch vụ, du lịch, hàng không... và người lao động mất việc làm, thiếu việc làm, bị giảm sâu thu nhập.*

- Tại Nghị quyết số 129/NQ-CP ngày 11/9/2020 của Chính phủ về Phiên họp thường kỳ tháng 8 năm 2020 giao Bộ Tài chính tiếp tục rà soát, đề xuất các chính sách thuế, phí hỗ trợ cho doanh nghiệp gặp khó khăn do tác động của đại dịch Covid-19.

chính sách hỗ trợ của Nhà nước để giúp doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn do tác động của dịch bệnh, khôi phục sản xuất kinh doanh.

Để tiếp tục và kịp thời hỗ trợ, giảm khó khăn cho doanh nghiệp, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư quy định giảm mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19 (nội dung dự thảo Thông tư trên cơ sở kế thừa mức thu các khoản phí, lệ phí đã được quy định giảm tại Thông tư 112/2020/TT-BTC và bổ sung thêm giảm mức thu 01 khoản phí thuộc lĩnh vực thủy sản theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn<sup>2</sup>). Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/7/2021 đến 31/12/2021.

Đề nghị quý cơ quan nghiên cứu, có ý kiến cụ thể:

- Thời gian hiệu lực nêu tại dự thảo Thông tư (từ 01/7/2021 đến 31/12/2021).

- Mức phí, lệ phí đối với 30 khoản phí, lệ phí nêu tại dự thảo Thông tư.

- Trường hợp các Bộ, ngành đề xuất giảm mức của các khoản phí, lệ phí khác với 30 khoản phí, lệ phí nêu tại dự thảo Thông tư, đề nghị có đánh giá cụ thể về tác động của việc giảm phí, lệ phí.

- Các ý kiến khác.

Ý kiến tham gia xin gửi về Bộ Tài chính trước ngày 05/6/2021.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý cơ quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Công Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST (CST5) *Đào (8)*

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỦ TRƯỞNG**



\*Vũ Thị Mai

<sup>2</sup> Bộ Nông nghiệp & PTNT có công văn số 2339/BNN-TC ngày 23/4/2021 đề xuất giảm 10% mức phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thức ăn, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản.

Số: /2021/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**THÔNG TƯ****Quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ,  
tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm  
an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19**

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Nghị quyết số 124/2020/QH14 ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021;

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kết hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Nghị quyết số 129/NQ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về Phiên họp thường kỳ tháng 8 năm 2020;

Thực hiện Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 10344/VPCP-KTTH ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc rà soát để giảm phí, lệ phí để tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19.

**Điều 1. Mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19**

1. Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021, mức thu một số khoản phí, lệ phí được quy định như sau:

Số tt	Tên phí, lệ phí	Mức thu
1	Phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường	Bằng 70% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số

Số tt	Tên phí, lệ phí	Mức thu
		22/2020/TT-BTC ngày 10 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu về môi trường.
2	Lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng, lệ phí giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng	Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm a và điểm b Mục 1 Biểu mức thu lệ phí tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 150/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng; giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán cho các tổ chức không phải là ngân hàng.
3	Lệ phí cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho tổ chức, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân	Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng. <b>LuatVietnam</b>
4	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở	Bằng 50% mức thu phí quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.
5	Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng	Bằng 50% mức thu phí quy định tại Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.
6	Phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn	Bằng 50% mức thu phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh

Số tt	Tên phí, lệ phí	Mức thu
	viên du lịch	doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.
7	Phí thẩm định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất do cơ quan trung ương thực hiện	Bằng 80% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 270/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất do cơ quan trung ương thực hiện.
8	Phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn	Bằng 70% mức thu phí quy định tại Biểu mức thu phí ban hành kèm theo Thông tư số 197/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn.
9	Phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán (trừ 02 khoản phí, lệ phí dưới đây)  Riêng lệ phí cấp mới, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận hành nghề chứng khoán cho cá nhân hành nghề chứng khoán tại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và công ty đầu tư chứng khoán, phí giám sát hoạt động chứng khoán	Bằng 50% mức thu phí, lệ phí quy định tại Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 272/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán.  Bằng 100% mức thu phí, lệ phí quy định tại điểm 20 Mục I và điểm 2 Mục II Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 272/2016/TT-BTC.
10	Phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ	Bằng 50% mức thu phí quy định tại Điều 4 Thông tư số 214/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy

Số tt	Tên phí, lệ phí	Mức thu
	phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh, lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh	định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định nội dung tài liệu không kinh doanh để cấp giấy phép xuất bản, lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh và lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh.
11	<p>Phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại, lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá</p> <p>a) Tại khu vực thành phố trực thuộc trung ương và khu vực thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh</p> <p>b) Tại các khu vực khác</p>	<p>Bằng 50% mức thu phí, lệ phí quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.</p> <p>Bằng 50% mức thu phí, lệ phí tương ứng quy định tại điểm a nêu trên.</p>
12	Phí đăng ký (xác nhận) sử dụng mã số mã vạch nước ngoài	Bằng 50% mức thu phí quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 232/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp mã số mã vạch.
13	Lệ phí sở hữu công nghiệp	Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại Mục A Biểu mức thu phí, lệ phí sở hữu công nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 263/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp.
14	Phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay	Bằng 90% mức thu phí quy định tại Điều 4 Thông tư số 247/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thu phí nhượng quyền khai thác cảng

Số tt	Tên phí, lệ phí	Mức thu
		hàng không, sân bay.
15	Phí hải quan, lệ phí ra, vào cảng hàng không, sân bay đối với chuyến bay của nước ngoài đến các Cảng hàng không Việt Nam	Bằng 90% mức thu phí, lệ phí quy định tại Điều 4 Thông tư số 194/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí hải quan và lệ phí ra, vào cảng hàng không, sân bay đối với chuyến bay của nước ngoài đến các Cảng hàng không Việt Nam.
16	<p>Phí thẩm định cấp chứng chỉ, giấy phép, giấy chứng nhận trong hoạt động hàng không dân dụng; cấp giấy phép ra vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay (trừ nội dung thu tại các số thứ tự: 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5.1, 5, 6 của Mục VI Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không ban hành kèm theo Thông tư số 193/2016/TT-BTC) và Phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tàu bay (trừ nội dung thu tại các số thứ tự 4 Mục VIII Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không ban hành kèm theo Thông tư số 193/2016/TT-BTC)</p> <p>Riêng nội dung thu tại các số thứ tự: 4.1, 4.2, 4.3, 4.4, 4.5.1, 5, 6 của Mục VI và số thứ tự 4 của Mục VIII phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không ban hành kèm theo Thông tư số 193/2016/TT-BTC</p>	<p>Bằng 80% mức thu phí quy định tại Mục VI và Mục VIII Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không ban hành kèm theo Thông tư số 193/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không.</p> <p>Bằng 100% mức thu phí tương ứng quy định tại Mục VI và Mục VIII Phần A Biểu mức thu phí, lệ phí trong lĩnh vực hàng không ban hành kèm theo Thông tư số 193/2016/TT-BTC.</p>
17	a) Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	Bằng 80% mức thu phí quy định tại điểm a, điểm b và điểm d khoản 1 Điều 4 Thông tư số

Số tt	Tên phí, lệ phí	Mức thu
	b) Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng động sản (trừ tàu bay), tàu biển	202/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm và 80% mức thu phí quy định tại điểm c, đ khoản 1 Điều 1 Thông tư số 113/2017/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2016/TT-BT.  Bằng 80% mức thu phí quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 202/2016/TT-BTC.
18	Phí thẩm định điều kiện kinh doanh trong hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	Bằng 70% mức thu phí quy định tại Điều 1 Thông tư số 110/2017/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Biểu mức thu phí thẩm định điều kiện kinh doanh trong hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động ban hành kèm theo Thông tư số 245/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện kinh doanh trong hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động.
19	Lệ phí cấp Giấy phép hoạt động đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, phí xác minh giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân trong nước	Bằng 50% mức thu phí, lệ phí quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 4 Thông tư số 259/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xác minh giấy tờ tài liệu, lệ phí cấp Giấy phép hoạt động đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.
20	a) Lệ phí cấp văn bằng bảo hộ, cấp chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp, lệ phí nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề đại diện sở hữu	Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại Mục I Biểu phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.



Số tt	Tên phí, lệ phí	Mức thu
	<p>công nghiệp, công bố, đăng bạ đại diện sở hữu công nghiệp</p> <p>b) Phí bảo hộ giống cây trồng (duy trì hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp duy trì hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng từ năm thứ 1 đến năm thứ 9.</li> <li>- Trường hợp duy trì hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng từ năm thứ 10 đến hết thời gian hiệu lực của Bằng bảo hộ</li> </ul>	<p>Bằng 80% mức thu phí quy định tại điểm 3 Mục III Biểu phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 207/2016/TT-BTC.</p> <p>Bằng 70% mức thu phí quy định tại điểm 3 Mục III Biểu phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 207/2016/TT-BTC.</p>
21	Lệ phí cấp hộ chiếu, giấy thông hành, giấy phép xuất cảnh, tem AB	<p>Bằng 80% mức thu lệ phí quy định tại Phần I Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số <b>25/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 4 năm 2021</b> <del>219/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016</del> của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam.</p>
22	Lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo, lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ	<p>Bằng 80% mức thu lệ phí quy định tại Phần III và Phần IV Điều 1 Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 218/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.</p>
23	Phí giải quyết yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phí thẩm định hồ sơ hưởng miễn trừ trong giải quyết vụ việc cạnh tranh	<p>Bằng 50% mức thu phí quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 58/2020/TT-BTC ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí xử lý vụ việc cạnh tranh.</p>

Số tt	Tên phí, lệ phí	Mức thu
24	Phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy	Bằng 50% mức thu phí quy định tại <b>Biểu phí ban hành kèm theo Thông tư số 02/2021/TT-BTC ngày 08 tháng 01 năm 2021</b> <del>điểm 2 Mục VI, Mục VII, Mục VIII, Mục IX Phần A và Phần B Biểu phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy ban hành kèm theo Thông tư số 227/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016</del> của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy.
25	Phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy, chữa cháy	Bằng 50% mức thu phí quy định tại Điều 5 Thông tư số 258/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phê duyệt thiết kế phòng cháy, chữa cháy.
26	Lệ phí cấp Căn cước công dân	Bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại Điều 4 Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân.
27	Phí trong lĩnh vực y tế	Bằng 70% mức thu phí quy định tại Điều 1 Thông tư số 11/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của <b>Luật Việt Nam</b> Thông tư số 278/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực y tế và 70% mức thu phí quy định tại Phần II; Phần III; các Mục 2, 3, 5, 6, 7, 8 và 9 Phần IV; Phần V Biểu mức thu phí trong lĩnh vực y tế ban hành kèm theo Thông tư số 278/2016/TT-BTC
28	Phí sử dụng đường bộ thu đối với xe ô tô kinh doanh vận tải của doanh nghiệp kinh doanh vận tải, hợp tác xã kinh doanh vận tải, hộ kinh doanh vận tải a) Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách (xe ô tô chở	Bằng 70% mức thu phí quy định tại điểm 1, điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5 Mục 1 Biểu

Số tt	Tên phí, lệ phí	Mức thu
	người, các loại xe buýt vận tải hành khách công cộng)  b) Xe tải, xe ô tô chuyên dùng, xe đầu kéo	mức thu phí sử dụng đường bộ ban hành kèm theo Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.  Bằng 90% mức thu phí quy định tại điểm 2, điểm 3, điểm 4, điểm 5, điểm 6, điểm 7, điểm 8 Mục 1 Biểu mức thu phí sử dụng đường bộ ban hành kèm theo Thông tư số 293/2016/TT-BTC.
29	Phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm	Bằng 90% mức thu phí quy định tại Biểu phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm ban hành kèm theo Thông tư số 75/2020/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 279/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.
30	<b><i>Phí thăm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thức ăn, sản phẩm xử lý cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản</i></b>	<b><i>Bằng 90% mức thu phí quy định tại điểm 3 mục II Biểu phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản ban hành kèm theo Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thu phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản.</i></b>

a) Đối với phí sử dụng đường bộ thu đối với xe ô tô kinh doanh vận tải của doanh nghiệp kinh doanh vận tải, hợp tác xã kinh doanh vận tải, hộ kinh doanh vận tải quy định tại Số thứ tự 28 trong Biểu trên:

- Trường hợp xe ô tô chuyên từ không kinh doanh vận tải sang kinh doanh vận tải trong thời gian có hiệu lực của Thông tư này thì thời điểm áp dụng mức phí theo quy định tại Thông tư này tính từ ngày xe ô tô được ghi nhận trong Chương trình quản lý kiểm định của Cục Đăng kiểm Việt Nam là xe ô tô kinh doanh vận tải.

- Trường hợp xe ô tô đã được nộp phí theo mức phí quy định tại Thông tư số 293/2016/TT-BTC cho khoảng thời gian có hiệu lực của Thông tư này, chủ xe sẽ được bù trừ số tiền phí chênh lệch giữa mức phí theo quy định tại Thông tư số 293/2016/TT-BTC với mức phí theo quy định tại Thông tư này vào số phí phải nộp của chu kỳ tiếp theo. Đơn vị đăng kiểm chịu trách nhiệm tính bù trừ tiền phí cho chủ xe vào chu kỳ tiếp theo.

b) Các Thông tư được quy định dẫn chiếu trong Biểu nêu trên gọi chung là các Thông tư gốc.

2. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 trở đi, mức thu các khoản phí, lệ phí quy định tại Biểu nêu trên thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc.

3. Ngoài mức thu các khoản phí, lệ phí quy định trong Biểu trên, các nội dung về: phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; tổ chức thu phí, lệ phí; các trường hợp miễn, không phải nộp phí, lệ phí; kê khai, nộp phí, lệ phí; mức thu các khoản phí, lệ phí; quản lý, sử dụng phí, lệ phí; chứng từ thu, công khai chế độ thu phí, lệ phí và các nội dung khác liên quan không quy định tại Thông tư này thực hiện theo quy định tại các Thông tư gốc; Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế.

## **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung./.

### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND, Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Vũ Thị Mai**